

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAO BÌ MINH HUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAO BÌ MINH HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HUY PACKAGING MANUFACTURING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH HUY PAMA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108454217

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 5, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987840702

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                             | 0210        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                       | 2220        |
| 3.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                   | 0121        |
| 4.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                | 0145        |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                             | 7710        |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá) | 4513        |
| 7.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                | 1702(Chính) |
| 8.  | Khai thác gỗ                                                                                                                       | 0220        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                            | 3320        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                  | 4101        |
| 11. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                      | 0141        |
| 12. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                             | 0144        |
| 13. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                  | 0146        |
| 14. | In ấn                                                                                                                              | 1811        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                            | 4102        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                             | 4311        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                              | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+Uôn thép,</li> <li>+Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao</li> <li>-Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>-Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>-Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>-Thuê cần trục có người điều khiển</li> </ul> | 4390 |
| 19. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512 |
| 20. | <p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ như: Săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô;</li> <li>+Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)</li> </ul> <p>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4530 |
| 21. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4543 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 23. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p> <p>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các mặt hàng công ty kinh doanh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 24. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Đại lý</p> <p>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | <p>Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:</li> <li>+ Giấy vệ sinh</li> <li>+ Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh</li> <li>+ Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy</li> <li>- Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh;</li> <li>- Sản xuất giấy viết, giấy in;</li> <li>- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;</li> <li>- Sản xuất giấy nền và giấy than;</li> <li>- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;</li> <li>- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;</li> <li>- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum;</li> <li>- Sản xuất hộp, túi, túi dẹt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;</li> <li>- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt;</li> <li>- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;</li> <li>- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;</li> <li>- Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói được đúc sẵn;</li> <li>- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;</li> <li>- Sản xuất vàng mã các loại</li> </ul> | 1709 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312 |
| 27. | <p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);</li> <li>- Bán buôn xe có động cơ: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa (Không bao gồm hoạt động đầu giá)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4511 |
| 28. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê container;</li> <li>- Cho thuê palet;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7730 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0240 |
| 30. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy như: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;</p> <p>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy như: Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</p> <p>-Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</p> <p>-Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường,</p> <p>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)</p> | 4659 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 32. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng:</p> <p>+Thang máy, thang cuốn,</p> <p>+Cửa cuốn, cửa tự động,</p> <p>+Dây dẫn chống sét,</p> <p>+Hệ thống hút bụi,</p> <p>+Hệ thống âm thanh,</p> <p>+Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 33. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 34. | <p>Trồng cây lâu năm khác</p> <p>Chi tiết: Cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0129 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,<br>+Bảo dưỡng thông thường,<br>+Sửa chữa thân xe,<br>+Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,<br>+Sửa chữa, bơm và săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,<br>+Xử lý chống gỉ,<br>+Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất; | 4520 |
| 36. | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 37. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4542 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN VĂN MINH | Tổ 3 cụm 1, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                  | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 0400540001<br>39                                                                            |         |
|     |               |                                                                                                       | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ MẠNH HÙNG  | B10-TT4-Khu đô thị Văn Quán, đường Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    | 012355293                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                       | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ VĂN TÔN   | Xóm Thống Nhất, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 111500032                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                       | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ MẠNH HÙNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/12/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012355293*

Ngày cấp: *01/03/2012* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *B10-TT4-Khu đô thị Văn Quán, đường Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *B10-TT4-Khu đô thị Văn Quán, đường Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*